

Số: 22/2022/QĐST-DS.

Quận 3, ngày 26 tháng 8 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2022, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 197/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022, về “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Đình T, sinh năm 1971.

Địa chỉ thường trú: Xã Quảng Bị, huyện CM, Thành phố H.

Địa chỉ nơi làm việc: Cách Mạng Tháng 8, Phường V, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ thôn 1, Tiên Lộc, Tiên Phước, QN. Là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 17 tháng 6 năm 2022, có số công chứng 003081, quyền số 06/2022TP/SCC/HĐGD và Giấy ủy quyền ngày 06 tháng 8 năm 2022, có số công chứng 003848, quyền số 08/2022TP/SCC/HĐGD cùng của Văn phòng công chứng C, Thành phố H).

Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1968.

Địa chỉ thường trú: Xóm 8B, Diên Trường, Phở Khánh, ĐP, tỉnh QN.

Địa chỉ tạm trú: Ấp 6, xã Tân Nhựt, huyện B, Thành phố H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngày 20 tháng 12 năm 2019, ông Đặng Đình T và ông Trần Văn N ký Hợp đồng hứa mua hứa bán số 01/2019/HMHB. Ngày 02 tháng 7 năm 2020, ông T và ông N thoả thuận chấm dứt hợp đồng, đồng thời lập biên bản xác nhận công nợ giữa hai bên. Theo đó, hai bên thống nhất toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng hứa mua hứa bán số 01/2019/HMHB chấm dứt hiệu lực, ông Trần Văn N đã trả lại toàn bộ số tiền nhận từ ông Đặng Đình T tương đương 526.750.000.000

đồng (năm trăm hai mươi sáu tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) và tự nguyện cam kết bồi thường cho ông T số tiền 526.750.000.000 đồng (năm trăm hai mươi sáu tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh do vi phạm hợp đồng chậm nhất trước ngày 30 tháng 9 năm 2020.

2.2. Ông Trần Văn N có trách nhiệm thanh toán cho ông Đặng Đình T số tiền tự nguyện bồi thường theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 02 tháng 7 năm 2020 là 526.750.000.000 đồng (năm trăm hai mươi sáu tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 02 tháng 7 năm 2022 là 94.815.000.000 đồng (chín mươi bốn tỷ tám trăm mười lăm triệu đồng). Việc thanh toán được thực hiện trong thời hạn từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến trước ngày 31 tháng 10 năm 2022.

Kể từ ngày ông Đặng Đình T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Văn N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thanh toán thì hàng tháng ông Trần Văn N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí: Ông Đặng Đình T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 182.391.250 đồng (một trăm tám mươi hai triệu ba trăm chín mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 364.782.500 đồng (ba trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn năm trăm đồng) theo Biên lai thu số 0007473 ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố H. Trả lại cho ông Đặng Đình T số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn lại là 182.391.250 đồng (một trăm tám mươi hai triệu ba trăm chín mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Ông Trần Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 182.391.250 đồng (một trăm tám mươi hai triệu ba trăm chín mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận B;
- Chi cục THA DS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Hoa